

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày: 10/5/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Quang Truyền**.

2. Ông **Trần Văn Thạch**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **HThP**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 190, đường Phạm Văn Đồng, khu phố HL, phường HT., thị xã HT, tỉnh TN (có mặt).

*** Bị đơn:**

1. Chị **CTL**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh **NPN**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 37, hẻm 64, đường Trần Phú, tổ 12, ấp TG, xã TrT, thị xã HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị HTHP trình bày:***

Do quen biết từ trước, xem như người thân trong nhà nên nhiều lần chị CTLM và anh NPN vay tiền của chị để làm ăn, mở quán ăn, kinh doanh điện mặt trời. Ngày 16/3/2019, chị M., anh Ng. vay 40.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, chị M. có viết giấy vay tiền. Ngày 18/3/2019, chị M., anh Ng. vay 120.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng vay trước đây) để đầu tư năng lượng mặt trời và đóng tiền học cho con, lãi suất 1,5%/tháng, chị M. có viết giấy vay tiền. Khoảng tháng 10/2020 (âm lịch), chị M. vay 50.000.000 đồng để mở quán bán thức ăn, không có viết giấy vay tiền. Tổng cộng chị M., anh Ng. vay của chị là 210.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào chị lấy lại vốn thì chị M., anh Ng. sẽ trả hết 210.000.000 đồng. Chị M., anh Ng. đóng lãi đến tháng 01/2021 thì ngưng cho đến nay. Nay chị yêu cầu chị M., anh Ng. trả lại cho chị 210.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/4/2021 đến nay.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2021 bị đơn chị CTLM trình bày:***

Ngày 16/3/2019, chị có vay 40.000.000 đồng của chị P. để trả nợ cho người khác, thời điểm này chị có nợ tiền của nhiều người, mỗi người từ 5.000.000 đồng-10.000.000 đồng nên chị mượn tiền của chị P. để trả cho họ, mỗi người một ít. Chị mượn tiền của người sau để trả lãi cho người trước, lâu dần dẫn đến hiện nay chị còn nợ tiền của nhiều người khác, trong đó có chị P.. Chị vay 40.000.000 đồng của chị P. thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, chị đóng lãi từ ngày vay cho đến tháng 10/2020, đến tháng 11/2020 thì ngưng đóng cho đến nay, khi đóng lãi thì không có làm biên nhận, giấy tay mượn tiền do chị viết. Chị trực tiếp đến nhà chị P. đóng lãi. Hiện nay 40.000.000 đồng tiền nợ chị chưa trả.

Chị có vay 60.000.000 đồng của chị P. vào khoảng năm 2017-2018 nhưng không có làm giấy tay, đến ngày 18/3/2019, chị vay tiếp 60.000.000 đồng và chị có làm giấy tay ghi nợ 02 lần vay này thành 01 giấy với số tiền 120.000.000 đồng, giấy tay mượn tiền cũng do chị viết vào ngày 18/3/2019. Lãi suất của 02 lần vay này là 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi cho chị P. từ 2017 cho đến tháng 10/2020, đến tháng 11/2020 thì ngưng đóng cho đến nay. Hiện nay 120.000.000 đồng tiền nợ vốn đến nay chị chưa trả.

Đầu năm 2020, chị có vay chị P. 50.000.000 đồng, không có làm giấy tay, lãi suất 10%/tháng, chị đóng lãi từ ngày vay cho đến tháng 10/2020, đến tháng 11/2020

thì ngưng đóng cho đến nay. Hiện nay 50.000.000 đồng tiền nợ vốn đến nay chị chưa trả.

Tổng cộng chị nợ chị P. 210.000.000 đồng.

Khi vay tiền của chị P. thì chồng chị không biết, chị không có nói cho chồng chị biết việc vay tiền này, khi chị bỏ nhà đi thì chồng chị mới biết chị nợ tiền của chị P. khi chị P. đến nhà mẹ chồng chị để đòi nợ. Tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nuôi con ăn học là do mẹ chồng và chồng chị lo, còn chị làm ra bao nhiêu tiền thì trả tiền lãi cho chị P. và người khác hết nên không có phụ giúp gì cho gia đình.

Nay chị P. yêu cầu chị và anh Ng. cùng có trách nhiệm trả cho chị P. 210.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì chị không đồng ý, vì chồng chị không biết việc chị vay tiền của chị P.. Riêng chị thì đồng ý trả lại cho chị P. 210.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 bị đơn anh NPN trình bày:**

Anh biết chị P. thông qua vợ anh là CTLM, chỉ biết mặt, biết tên. Anh thấy sau này chị P. có đến nhà mẹ anh để đòi nợ thì anh mới biết vợ anh nợ tiền chị P.. Việc vợ anh vay tiền của chị P. thì anh không biết. Tiền sinh hoạt trong gia đình và nuôi dạy 02 con là do vợ chồng anh cùng bỏ ra. Ngoài việc vợ anh nợ tiền chị P. thì anh biết vợ anh còn nợ nhiều người khác khi họ đến nhà đòi nợ vợ anh nhưng anh không biết họ là ai. Nay chị P. yêu cầu anh có trách nhiệm liên đới cùng với vợ anh trả nợ tiền vay cho chị P. với số tiền 210.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì anh không đồng ý, vì việc vợ anh nợ tiền vay chị P. anh không biết. Vợ anh vay tiền của chị P. sử dụng vào mục đích gì thì anh không biết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị HTHP. Buộc chị CTLM có nghĩa vụ trả cho chị P. số tiền nợ 210.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện.

Chị M. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo các giấy tay mượn tiền mà chị HTHP cung cấp và chị CTLM thừa nhận có vay của chị P. nhiều lần tổng cộng là 210.000.000 đồng. Nay chị P. yêu cầu chị M., anh NPN trả lại cho chị 210.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm cho nên quan hệ tranh chấp vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị CTLM, anh NPN có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M., anh Ng. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị HTHP, thấy rằng:

Chị P. cung cấp 02 giấy mượn tiền ngày 16/3/2019 và ngày 18/3/2019 do chị M. viết và ký tên, có nội dung chị M. có vay của chị P. tổng cộng 210.000.000 đồng và chị M. thừa nhận có nợ chị P. 210.000.000 đồng, cho nên có cơ sở xác định chị M. có vay tiền của chị P. là có thật. Tuy nhiên, trong 02 giấy mượn tiền thể hiện chỉ có một mình chị M. mượn tiền, không có họ tên và chữ ký của anh Ng.. Tại phiên tòa, chị P. thừa nhận sau này khi đến nhà tìm chị M. thì anh Ng. mới biết chị M. nợ tiền chị P. và khi chị M. vay tiền chỉ có một mình chị M., không có anh Ng.; mặt khác chị P. không có chứng cứ chứng minh anh Ng. biết chị M. vay tiền của chị P.. Do đó có cơ sở xác định đây là nợ riêng của chị M., chị M. có trách nhiệm trả lại cho chị P.. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P. đối với chị M., không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của chị P. về việc chị P. yêu cầu anh Ng. cùng với chị M. trả nợ cho chị P..

Về yêu cầu tính tiền lãi của chị P., thấy rằng:

Trong 02 giấy mượn tiền không ghi lãi suất, không thời hạn trả nợ, cho nên đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất. Tuy nhiên, theo lời khai của chị P. thì có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1,5%/tháng là không vượt quá 20%/năm được quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự. Mặt khác, chị M. khai nhận là lãi suất 10%/tháng cho nên chị P., chị Ng. có tranh chấp về lãi suất. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của chị P. đối với chị M. theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày 10/5/2022 là 13 tháng 02 ngày, như sau: $210.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 22.659.000 \text{ đồng} + 116.200 \text{ đồng} (58.100 \text{ đồng} \times 02 \text{ ngày}) = 22.775.000 \text{ đồng} (\text{tròn số})$.

[4]. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P. đối với chị M.. Buộc chị M. có nghĩa vụ trả cho chị P. 210.000.000 đồng tiền nợ gốc và 22.775.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 232.775.000 đồng.

[5]. Về án phí: Chị M. phải chịu 11.639.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị HTHP đối với chị CTLM, anh NPN về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị CTLM có nghĩa vụ trả lại cho chị HTHP số tiền 232.775.000 đồng (trong đó 210.000.000 đồng tiền nợ gốc và 22.775.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị CTLM phải chịu 11.639.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị HTHP 5.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0009806 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị HTHP có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng CTLM, anh NPN có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CCTHADS thị xã HT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Lâm Tấn Nhàn